

**WEEK 22- Grade 6**

**UNIT 11 :WHAT DO YOU EAT?**

**Period : 64**

**Section A: A1**

**I. Vocabulary:**

STT	Từ Vựng	Nghĩa
1.	storekeeper	chủ cửa hàng
2.	salesgirl	cô bán hàng
3.	Can I help you?	Bạn cần gì?/ Tôi có thể giúp gì cho bạn?
4.	a bottle <b>of</b> →a bottle of cooking oil	1 chai, 1 bình ... 1 chai dầu ăn
5.	a packet <b>of</b> →a packet of tea	1 gói 1 gói trà
6.	chocolate	sô-cô-la→ danh từ không đếm được số ít
7.	a box <b>of</b> → a box of chocolate	1 hộp, 1 thùng 1 hộp sô cô la
8.	a kilo ( <b>of</b> ) → <b>half</b> a kilo of	1 kí nửa kí
9.	beef	Thịt bò → danh từ không đếm được số ít

10.	100 grams	100 gam
11.	<b>an</b> egg	1 quả trứng
12.	dozen <b>a dozen</b> eggs	một tá (= 12 cái) 1 tá trứng
13.	a can of peas	1 lon đậu, 1 hộp đậu,
14.	a bar of soap	1 thỏi, thanh xà phòng
15.	a tube of toothpaste	1 tuýp kem đánh răng

❖ **Remember:**

- Can I help you ?  
→ Yes, I'd like a bottle of cooking oil, please

**II. EXERCISES:**

⊗ **Some** + plural count Noun ( **danh từ đếm được số nhiều**)

singular non count Noun ( **danh từ không đếm được số ít**)

→ Used in Affirmative form ( **dùng trong thể khẳng định**)

⊗ **any** + plural count Noun ( **danh từ đếm được số nhiều**)

singular non count Noun ( **danh từ không đếm được số ít**)

→ Used in negative form and interrogative forms( **dùng trong thể phủ định và nghi vấn**)

⊗ **a**+ singular count Noun ( **danh từ đếm được số ít**)

⊗ **an** + singular count Noun ( **danh từ đếm được số ít bắt đầu bằng 1 trong 5 nguyên âm: u, e, o, a,i**)

## Notes:

- **Khẳng định** + danh từ đếm được số ít: **a/an**
- Khẳng định + danh từ không đếm được số ít và đếm được số nhiều: **some**
- **Phủ định/ Nghi vấn** + danh từ đếm được số nhiều và không đếm được số ít: **any**
- **Ngoại lệ: “Would you likesome ...?”**

## I. Choose the correct word in each of the following sentences .

1. There isn't \_\_\_\_\_ milk in the jar. (a – an – some – any)
2. She'd like \_\_\_\_\_ orange.(a – an – some – any)
3. There are \_\_\_\_\_ oranges and bananas.(a – an – some – any)
4. Is there \_\_\_\_\_ meat?(a – an – some – any)
5. There aren't \_\_\_\_\_ noodles.(a – an – some – any)
6. There's \_\_\_\_\_ water.(a – an – some – any)
7. He'd like \_\_\_\_\_ apple.(a – an – some – any)
8. There are \_\_\_\_\_ vegetables.(a – an – some – any)
9. There is \_\_\_\_\_ tea.(a – an – some – any)
10. Is there \_\_\_\_\_ fruit ?(a – an – some – any)
11. There aren't \_\_\_\_\_ apples.(a – an – some – any)
12. Are there \_\_\_\_\_ oranges?(a – an – some – any)
13. Is there \_\_\_\_\_ milk ? (any – many – some)
14. I'm hungry. I'd like \_\_\_\_\_ chicken and rice. (any – many – some)
15. I'm \_\_\_\_\_. I'd like some meat and some rice. (tired – thirsty – hungry)
16. How does she \_\_\_\_\_? – She's cold. (feel – feels – want)
17. What is there \_\_\_\_\_? – There is some milk.(drink – to drink – to eat)
18. I eat an apple every morning. It's my \_\_\_\_\_ fruit.(good – like – favorite)
19. I'm \_\_\_\_\_. I'd like some noodles. (thirsty – hungry – empty)
20. I'm \_\_\_\_\_. I'd like some water. (thirsty – hungry – empty)
21. \_\_\_\_\_ would you like? – Some orange juice, please. (Which – What –How)
22. \_\_\_\_\_ does she feel? – She feels tired. (Which – What –How)
23. \_\_\_\_\_ does she want? – Some water. (Which – What – How)
24. \_\_\_\_\_ is your favorite food?(Which – What – How)
25. I like \_\_\_\_\_ tea.(ice – icy – iced)
26. Coffee is my favorite \_\_\_\_\_.(food – drink – sweets)
27. Carrots, tomatoes, lettuce, potatoes, cabbages and \_\_\_\_\_ are vegetables. (meat – beans – chicken)
28. His favorite \_\_\_\_\_ are tea and orange juice. (drink – drinks – food – fruit)

29. Hoa's favorite food is \_\_\_\_\_.  
fish)

(a chicken – chickens – a fish –

30. There \_\_\_\_\_ some milk for breakfast.

(is – am – are – has )

## **II. REWRITE THE SENTENCES.**

<b>want/ wants = 'd like / would like + N / to V...: muốn</b>
---------------------------------------------------------------

1. I want some apples. → I'd \_\_\_\_\_
2. I'd like some fish. → I want \_\_\_\_\_
3. He'd like iced coffee. → He wants \_\_\_\_\_
4. What does he want? → What would \_\_\_\_\_

## **III. Homework:**

**Learn Vocabulary by heart and do the exercises above.**